

Bản án số: 109/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Hoàng
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Dương Thanh P, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày tóm tắt như sau:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2010 anh và chị Dương Thanh P đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/12/2010.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống,

không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngoài ra, từ khi cưới nhau đến nay chị P chưa từng làm bất kỳ một công việc nhà nào, mỗi lần nói đến thì cự cãi, chị P không quan tâm chăm sóc chồng con ngày nào, thường xuyên đi chơi đêm. Anh và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị P không thay đổi. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh và chị P có 01 con chung tên Trần Phương L, sinh ngày 23/11/2011. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện anh đang làm công ty, thu nhập mỗi tháng 20.000.000đồng đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, anh xác định anh và chị P không có nợ chung.

Bị đơn chị Dương Thanh P trình bày:

Qua lời trình bày của anh Trần Văn T về thời gian kết hôn chị thống nhất. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi sinh con được 01 tuổi thì vợ chồng không hạnh phúc, anh T không còn nói chuyện với chị, thời gian sau này khi đi làm về mệt nên chị không phụ giúp công việc gia đình nhiều, không quan tâm chăm sóc chồng con, Ngoài ra, không còn mâu thuẫn nào dẫn đến ly hôn. Nay chị xét thấy vẫn còn thương chồng nên chị không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Trần Phương L, sinh ngày 23/11/2011. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập mỗi tháng 10.000.000đồng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh T không có nợ chung.

Cháu Trần Phương L có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống với cha.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng các bên không hòa giải và đoàn tụ được, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu, do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia

tổ tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Anh Trần Văn T yêu cầu ly hôn với chị Dương Thanh P, chị P không đồng ý. Xét thấy, anh T và chị P cùng thừa nhận quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Về yêu cầu nuôi con chung: Anh T và chị P đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy con chung có nguyện vọng muốn sống cùng anh T, khả năng anh T cũng đảm bảo nuôi dưỡng con chung tốt nên căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị ghi nhận. Về chia tài sản, nợ chung: Các bên xác định không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Dương Thanh P, địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Anh T và chị P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/12/2010 (số 297, quyển số 01/2010), nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị P là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của anh T, thấy rằng: Anh T xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, nên xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng anh T vẫn cương quyết ly hôn nên không hành hòa giải được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngoài ra, từ khi cưới nhau đến nay chị P chưa từng làm bất kỳ một công việc nhà nào, mỗi lần nói đến thì cự cãi, chị P không quan tâm chăm sóc chồng con ngày nào, thường xuyên đi chơi đêm, anh và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị P không thay đổi nên anh xin được ly hôn. Chị P trình bày cuộc sống chung của vợ chồng cũng có mâu thuẫn từ khi chị sinh con được một tuổi, do thời gian sau này khi đi làm về mệt nên chị không phụ giúp công việc gia đình, không quan tâm chăm sóc chồng con, nay chị nhận thấy vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của anh T và chị P đã không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, quá trình chung sống anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp

đỡ lẫn nhau, một trong hai bên đã không thiết tha vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng cho thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị P không đưa ra được phương án nào để các bên hàn gắn tình cảm, anh T cương quyết ly hôn, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[2.3] Về nuôi con chung: Anh T và chị P đều xác định quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Trần Phương L, sinh ngày 23/11/2011, anh T và chị P đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đây là yêu cầu chính đáng của các bên đương sự. Xét về điều kiện vật chất để đảm bảo nuôi dưỡng con chung thì anh T và chị P đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu được quyền nuôi con nhưng xét về nguyện vọng của con chung thì trong quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Phương L có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn, nguyện vọng cháu là muốn ở với cha vì cha sóc cháu tốt hơn mẹ, từ nhỏ đến giờ chỉ có cha và bà nội chăm lo cho cháu, mẹ không quan tâm, chăm sóc cháu nên cháu chỉ muốn ở chung với cha. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định và nguyện vọng của cháu nên giao con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T về việc “Ly hôn” với bị đơn chị Dương Thanh P.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Dương Thanh P.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cháu Trần Phương L, sinh ngày 23/11/2011 cho anh Trần Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên chị Dương Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010224 ngày 07/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Anh Trần Văn T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- UBND xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng